

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI KÌ 1 -- CÔNG NGHỆ 10(23-24)

I. TRẮC NGHIỆM.

Câu 1. Có mấy loại nét vẽ thường dùng trong vẽ kỹ thuật?

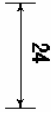
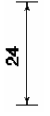
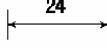
- A. 4. **B. 5.** C. 2. D. 3.

Câu 2: Khổ giấy A2 lớn gấp bao nhiêu lần khổ giấy A4?

- A. 4 lần B. 6 lần **C. 8 lần.** D. 16 lần

[
]

Câu 3. Cách ghi kích thước nào sau đây là sai với tiêu chuẩn ghi kích thước?

- A.  **B.**  C.  D. 

Câu 4: Hình chiếu bằng của khối trụ là hình tròn thì hình chiếu đứng là hình gì?

- A. Hình chữ nhật** B. Hình tròn C. Hình tam giác D. Hình thoi

Câu 5: Hình chiếu đứng thể hiện kích thước nào của vật thể:

- A. dài và cao.** B. dài và rộng.
C. rộng và ngang. D. cao và rộng.

Câu 6: Khái niệm tỉ lệ của bản vẽ kỹ thuật:

- A. Là tỉ số giữa kích thước dài đo trên bản vẽ vật thể và kích thước thực tế trên vật thể đó.
B. Là kích thước dài đo trên bản vẽ vật thể.
C. Là kích thước thực tế trên vật thể đó.
D. Là tỉ số giữa kích thước thực tế trên vật thể đó và kích thước dài đo trên bản vẽ.

Câu 7: Trong sản xuất, bản vẽ kỹ thuật là phương tiện thông tin có vai trò:

- A. Thể hiện ý tưởng của nhà thiết kế, là tài liệu kỹ thuật để tiến hành chế tạo, thi công.
B. Là tài liệu kỹ thuật để tiến hành chế tạo, thi công, là cơ sở để kiểm tra, đánh giá sản phẩm.
C. Là cơ sở để kiểm tra, đánh giá sản phẩm, thể hiện ý tưởng của nhà thiết kế.
D. Thể hiện ý tưởng của nhà thiết kế, là tài liệu kỹ thuật để tiến hành chế tạo, thi công, Là cơ sở để kiểm tra, đánh giá sản phẩm.

Câu 8: Bản vẽ kỹ thuật phải được theo các quy tắc thống nhất quy định trong:

- A. Các tiêu chuẩn về bản vẽ của quốc gia hoặc quốc tế.
B. Hợp đồng giữa người mua và bán.
C. Các tiêu chuẩn về bản vẽ của quốc gia.
D. Các tiêu chuẩn quốc tế.

Câu 9: Khái niệm phương pháp hình chiếu vuông góc:

A. Là tài liệu kĩ thuật được trình bày dưới dạng hình vẽ, diễn tả hình dạng, kết cấu, các thông tin về kích thước, vật liệu, yêu cầu kĩ thuật,... của sản phẩm.

B. Là phương pháp biểu diễn các hình chiếu vuông góc trên cùng một mặt phẳng (bản vẽ).

C. Là tài liệu cần thiết khi bảo dưỡng, sửa chữa sản phẩm.

D. Là phương pháp biểu diễn các hình chiếu song song trên cùng một mặt phẳng.

Câu 10: Có bao nhiêu phương pháp hình chiếu vuông góc.

A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 11: Việt Nam thường sử dụng phương pháp góc chiếu nào?

A. Phương pháp góc chiếu thứ nhất. B. Phương pháp góc chiếu thứ hai.

C. Phương pháp góc chiếu thứ ba. D. Phương pháp góc chiếu thứ bốn.

Câu 12: Chọn đáp án sai

Quy định trên bản vẽ hình chiếu vuông góc

A. Số lượng các hình chiếu phải đủ để thể hiện hình dạng của vật thể.

B. Đường bao khuất, cạnh khuất vẽ bằng nét đứt mảnh.

C. Vẽ đường trục cho các vật thể đối xứng, vẽ đường tâm cho đường tròn bằng nét gạch dài-chấm-mảnh.

D. Phần nào không nhìn thấy thì không phải vẽ.

Câu 13: Trong phương pháp góc chiếu thứ nhất, ta phải xoay mặt phẳng hình chiếu bằng xuống dưới một góc bao nhiêu độ?

A. 90° . B. 40° . C. 30° . D. 60° .

Câu 14: Một số nước châu Mỹ và Nhật Bản sử dụng phương pháp chiếu:

A. Phương pháp góc chiếu thứ nhất. B. Phương pháp góc chiếu thứ ba.

C. Phương pháp góc chiếu thứ hai. D. Phương pháp góc chiếu thứ tư.

Câu 15: Hình cắt có mấy phân loại?

A. 2. B. 3. C. 4. D. 5

Câu 16: Có mấy loại mặt cắt?

A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

Câu 17: Kí hiệu mặt cắt và hình cắt bao gồm:

A. Vị trí mặt phẳng cắt vẽ bằng nét gạch dài chấm đậm (nét cắt).

B. Hướng chiếu là hai mũi tên vẽ vuông góc với nét cắt.

C. Tên hình cắt, mặt cắt

D. Tên hình cắt, mặt cắt- Hướng chiếu- Vị trí mặt phẳng cắt.

Câu 18: Khái niệm mặt cắt rời:

A. Là mặt cắt vẽ ở ngoài hình chiếu.

B. Là mặt cắt được vẽ ngay trên hình chiếu.

C. Là hình cắt sử dụng một mặt phẳng cắt để cắt toàn bộ vật thể.

D. Là hình biểu diễn với một nửa là hình chiếu, một nửa đối xứng kia là hình cắt, được sử dụng khi vật thể đối xứng.

Câu 19: Khái niệm mặt cắt chập:

A. Là mặt cắt vẽ ở ngoài hình chiếu.

B. Là mặt cắt được vẽ ngay trên hình chiếu.

C. Là hình cắt sử dụng một mặt phẳng cắt để cắt toàn bộ vật thể.

D. Là hình biểu diễn với một nửa là hình chiếu, một nửa đối xứng kia là hình cắt, được sử dụng khi vật thể đối xứng.

Câu 20: Khái niệm hình chiếu trục đo:

A. Là hình biểu diễn hai chiều của vật thể và được xây dựng bằng phép chiếu song song.

B. Là hình biểu diễn ba chiều của vật thể và được xây dựng bằng phép chiếu song song.

C. Là hình được xây dựng bằng phép chiếu song song.

D. Là hình biểu diễn ba chiều của vật thể và được xây dựng bằng phép chiếu vuông góc.

Câu 21: Các trục $O'x'$, $O'y'$ và $O'z'$ gọi là:

A. Trục đo. B. Hệ trục tọa độ. C. Góc trục đo. D. Trục tọa độ vuông góc.

Câu 22: Góc giữa các trục $\widehat{x'Oy'}$, $\widehat{y'Oz'}$, $\widehat{z'Ox'}$ gọi là:

A. Trục đo. B. Hệ trục tọa độ C. Góc trục đo. D. Góc trục tọa độ đều-các

Câu 23: Có bao nhiêu hệ số biến dạng?

A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

Câu 24: Xác định: Hình chiếu trục đo vuông góc đều:

A. Phương chiếu l vuông góc với mặt phẳng hình chiếu P.

B. Các trục tọa độ Ox, Oy, Oz làm với mặt phẳng hình chiếu P các góc bằng nhau.

C. Phương chiếu l vuông góc với mặt phẳng hình chiếu P, các góc $\widehat{x'Oy'}$, $\widehat{y'Oz'}$ bằng nhau.

D. Phương chiếu l không vuông góc với mặt phẳng hình chiếu P, các góc $\widehat{x'Oy'}$, $\widehat{y'Oz'}$ bằng nhau.

Câu 25: Xác định: Hình chiếu trục đo xiên góc cân:

- A. Mặt phẳng tọa độ xOz song song với mặt phẳng hình chiếu P, l không vuông góc với P.
- B. Mặt phẳng tọa độ xOz vuông góc với mặt phẳng hình chiếu P, l không vuông góc với P.
- C. Mặt phẳng tọa độ xOz song song với mặt phẳng hình chiếu P, l vuông góc với P.
- D. Mặt phẳng tọa độ xOz vuông góc với mặt phẳng hình chiếu P, l vuông góc với P.

Câu 26: Hãy cho biết: Triển vọng thị trường lao động của nước ta đang có xu hướng phát triển mạnh về lĩnh vực nào?

- A. Kỹ thuật
- B. Công nghệ
- C. Cả kỹ thuật và công nghệ.
- D. Lĩnh vực giao thông vận tải.

Câu 27: Chiều rộng của nét chữ kí hiệu là:

- A. h.
- B. d.
- C. R.
- D. r.

Câu 28: Trên bản vẽ kỹ thuật thường dùng kiểu chữ:

- A. $d = \frac{1}{14}h$.
- B. $d = \frac{1}{10}h$.
- C. $d = h$.
- D. $d = \frac{1}{12}h$.

Câu 29: Đơn vị đo góc:

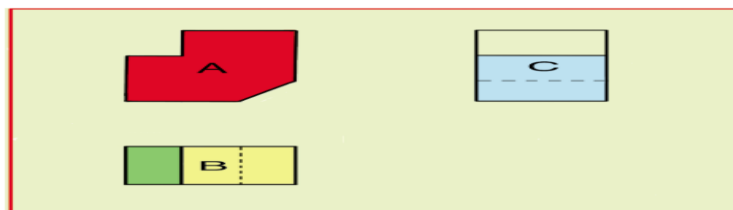
- A. Độ.
- B. Phút.
- C. Giây.
- D. Độ, phút, giây

Câu 30. Có mấy loại khổ giấy chính?

- A. 3.
- B. 4.
- C. 5.
- D. 6.

Câu 31: Em hãy quan sát hình vẽ và cho biết

Hình chiếu A được gọi là gì?



- A. Hình chiếu đứng.
- B. Hình chiếu bằng.
- C. Hình chiếu cạnh.
- D. Hình chiếu trục đo.

Câu 32: Hình chiếu từ trên được gọi là:

- A. Hình chiếu đứng.
- B. Hình chiếu cạnh.
- C. Hình chiếu bằng.
- D. Hình chiếu trục đo

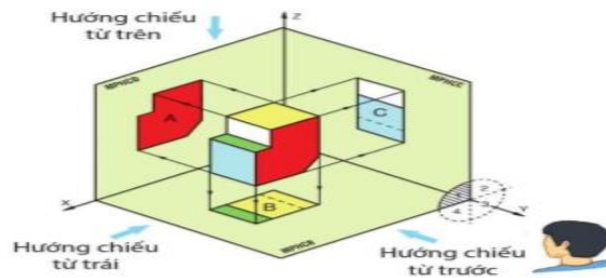
Câu 33: Hình chiếu từ trái được gọi là:

A. Hình chiếu cạnh.
trục đo.

B. Hình chiếu đứng. C. Hình chiếu bằng.

D. Hình chiếu

Câu 34: Quan sát hình vẽ, cho biết: Đây là phương pháp chiếu nào?



A. Phương pháp góc chiếu thứ nhất.

B. Phương pháp góc chiếu thứ hai.

C. Phương pháp góc chiếu thứ hai.

D. Phương pháp góc chiếu thứ hai.

Câu 35: Vị trí của mặt phẳng cắt được vẽ bằng:

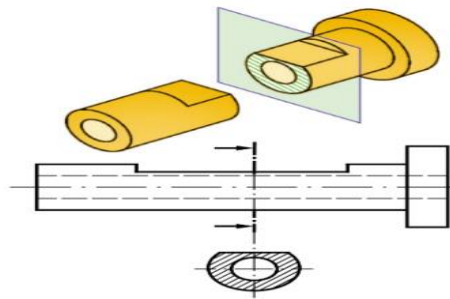
A. Nét gạch dài-chấm-đậm

B. Nét gạch dài và có mũi tên chỉ hướng chiếu.

C. Nét gạch dài-chấm-đậm và có mũi tên chỉ hướng chiếu.

D. Nét liền mạnh và có mũi tên chỉ hướng chiếu.

Câu 36: Em quan sát hình vẽ và cho biết: Hình vẽ biểu thị mặt cắt nào?



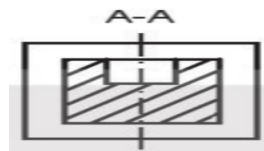
A. Mặt cắt rời.

B. Mặt cắt chap.

C. Cả mặt cắt chap và rời.

D. Không phải mặt cắt.

Câu 14: Hình vẽ bên dưới là:



A. Mặt cắt.

B. Hình cắt.

C. Hình chiếu đứng

D. Hình chiếu trục đo

Câu 37: Hình biểu diễn với một nửa là hình chiếu, một nửa đối xứng kia là hình cắt, được sử dụng khi vật thể đối xứng. Theo em, đây là khái niệm :

- A. Hình cắt toàn bộ.
- B. Mặt cắt chập.
- C. Hình cắt bán phần.
- D. Mặt cắt rời.

Câu 38: Điền từ thích hợp vào chỗ chấm:

..... là hình biểu diễn phần vật thể nằm trên

..... là hình biểu diễn bao gồm mặt cắt và của phần vật thể còn lại.

- A. Mặt cắt / mặt phẳng cắt / Hình cắt / hình chiếu.
- B. Mặt cắt / hình chiếu / Hình cắt / mặt phẳng cắt.
- C. Hình cắt / hình chiếu / Mặt cắt / mặt phẳng cắt.
- D. Hình cắt / mặt phẳng cắt / Mặt cắt / hình chiếu.

Câu 39: Khi đường bao mặt cắt phức tạp, ta thường sử dụng:

- A. Mặt cắt chập.
- B. Mặt cắt rời.
- C. Hình cắt toàn bộ.
- D. Hình cắt cục bộ.

Câu 40: Khi đường bao mặt cắt đơn giản, ta thường sử dụng:

- A. Mặt cắt chập.
- B. Mặt cắt rời.
- C. Hình cắt toàn bộ.
- D. Hình cắt cục bộ.

Câu 41: Đâu không phải là yêu cầu cơ bản đối với kỹ sư

- A. Có trình độ và kiến thức chuyên môn vững vàng
- B. Có kỹ năng thực hành nghề vững vàng
- C. Sử dụng thành thạo các phần mềm trong thiết kế và sản xuất
- D. Thông thạo ngoại ngữ và có khả năng giao tiếp chuyên ngành kỹ thuật công nghệ.

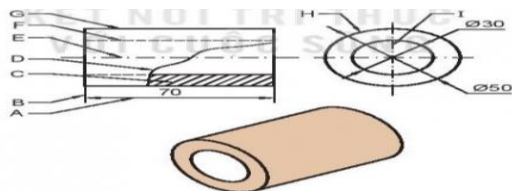
Câu 42: Quan sát hình vẽ dưới đây và cho biết người đó làm nghề gì và thuộc lĩnh vực nào ?



- A. thợ hàn- thuộc ngành kỹ thuật cơ khí
- B. Sửa chữa- thuộc ngành công nghệ kỹ thuật ô tô
- C. Lập trình viên- thuộc ngành công nghệ thông tin

D. Lập trình viên- thuộc ngành công nghệ kỹ thuật ô tô

Quan sát hình 8.7 trả lời câu hỏi 43,44,45.



Hình 8.7. Bạc đỡ

Câu 43: Quan sát hình và cho biết tên gọi của nét vẽ A:

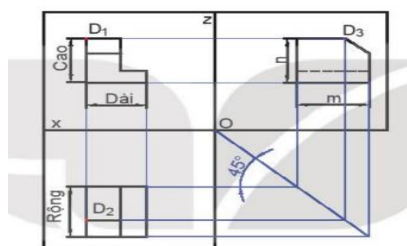
- A. Nét liền mảnh.
- B. Nét lượn sóng.
- C. Nét gạch dãi chấm mảnh.
- D. Nét đứt mảnh.

Câu 44: Quan sát hình và cho biết tên gọi của D

- A. Nét liền mảnh.
- B. Nét lượn sóng.
- C. Nét gạch dãi chấm mảnh.
- D. Nét đứt mảnh.

Câu 45: Quan sát hình và cho biết tên gọi của nét vẽ I:

- A. Nét liền mảnh.
- B. Nét lượn sóng.
- C. Nét gạch dãi chấm mảnh.
- D. Nét đứt mảnh.

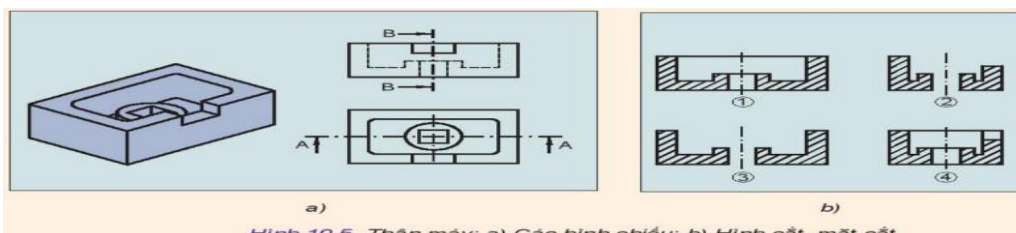


Hình 9.6. Mối quan hệ giữa ba hình chiếu

Câu 46: Quan sát hình 9.6 và phát biểu cách xác định các kích thước m và n của hình chiếu cạnh.

- A. m – chiều cao; n – chiều rộng.
- B. m – chiều rộng; n – chiều cao.
- C. m – chiều dài; n – chiều rộng.
- D. m – chiều rộng; n – chiều dài.

Quan sát Hình 10.5 trả lời các câu hỏi 47-50)



Hình 10.5. Thân máy: a) Các hình chiếu; b) Hình cắt, mặt cắt

Câu 47: Hình 1 thuộc loại hình biểu diễn nào và tên gọi của mỗi hình.

- A. Hình cắt A – A. B. Mặt cắt A – A. C. Mặt cắt B – B. D. Hình cắt B – B.

Câu 48: Hình 2 thuộc loại hình biểu diễn nào và tên gọi của mỗi hình.

- A. Hình cắt A – A. B. Mặt cắt A – A. C. Mặt cắt B – B. D. Hình cắt B – B.

Câu 49. Hình 3 thuộc loại hình biểu diễn nào và tên gọi của mỗi hình.

- A. Hình cắt A – A. B. Mặt cắt A – A. C. Mặt cắt B – B. D. Hình cắt B – B.

Câu 50. Hình 3 thuộc loại hình biểu diễn nào và tên gọi của mỗi hình.

- A. Mặt cắt B – B. B. Mặt cắt A – A. C. Hình cắt B – B. D. Hình cắt A – A.

Câu 51: Góc trục đo của hình chiếu trục đo xiên góc cân có các giá trị?

- A. $X'O'Y' = Y'O'Z' = 90^0$; $X'O'Z' = 135^0$ B. $X'O'Y' = Y'O'Z' = 135^0$; $X'O'Z' = 90^0$
C. $X'O'Y' = Y'O'Z' = X'O'Z' = 120^0$ D. $X'O'Y' = Y'O'Z' = X'O'Z' = 135^0$

Câu 52: Hình chiếu trục đo vuông góc đều có hệ số biến dạng là:

- A. $p = q = r = 0,5$. B. $p = r = 1$; $q = 0,5$ C. $p = q = r = 1$ D. $p = q = 1$; $r = 0,5$

II. TƯ LUẬN

Ôn phần vẽ hình chiếu vuông góc.